

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 3- 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Anh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thế Chiến.

Ông Huỳnh Tấn Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Duy- Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà HĐok Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025 tại phòng xử án, Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2024/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20/02/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1979 - Có đơn xin xét xử vắng mặt

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số E đường H, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Khu đất xen ghép, tờ bản đồ số 20, phường Đ, Tp ., tỉnh Thừa Thiên Huế

Bị đơn: Ông Hồ Viết H; sinh năm 1969 - Có đơn xin xét xử vắng mặt

Trú tại: Số E đường H, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ N trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ N và ông Hồ Viết H đến với nhau

trên cơ sở tình yêu tự nguyện. Có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 30/01/2000. Sau khi về chung sống thì vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống chung của vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nên hiện nay không còn tình cảm yêu thương, chăm sóc nhau nữa, vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng của bà Trần Thị Mỹ N xin được ly hôn với ông Hồ Viết H.

Về con chung: Bà Trần Thị Mỹ N và ông Hồ Viết H có 02 con chung là: cháu Hồ Bá Phi L, sinh ngày 01/01/2001 và cháu Hồ Vy Phương A, sinh ngày 06/8/2007.

Sau khi ly hôn bà Trần Thị Mỹ N xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Hồ Vy Phương A cho tới lúc cháu tròn 18 tuổi và không yêu cầu ông Hồ Viết H cấp dưỡng nuôi con.

Riêng cháu Hồ Bá Phi L, sinh ngày 01/01/2001 đã đến tuổi trưởng thành, cháu tự quyết định cuộc sống riêng của mình, bà Trần Thị Mỹ N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 tài sản chung là Thửa đất số 25a, tờ bản đồ số 09, diện tích 225 m², được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 611630 cho Hộ ông Hồ Viết H, sinh năm 1969 và bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1979 vào ngày 02/10/2007 tại thôn Đ, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Khi ly hôn thì đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định pháp luật

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quá trình tham gia tố tụng và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn ông Hồ Viết H trình bày:***

Ông Hồ Viết H thừa nhận lời trình bày của bà Trần Thị Mỹ N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn đúng, cụ thể:

Ông Hồ Viết H và bà Trần Thị Mỹ N đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 30/01/2000. Sau khi về chung sống thì vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống chung của vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nên hiện nay không còn tình cảm yêu thương, chăm sóc nhau nữa, vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Trần Thị Mỹ N xin được ly hôn với ông Hồ Viết H thì ông Hồ Viết H đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Bà Trần Thị Mỹ N và ông Hồ Viết H có 02 con chung là: cháu Hồ Bá Phi L, sinh ngày 01/01/2001 và cháu Hồ Vy Phương A, sinh ngày 06/8/2007.

Sau khi ly hôn ông Hồ Viết H có nguyện vọng giao cháu Hồ Vy Phương A, sinh ngày 06/8/2007 cho bà Trần Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến lúc cháu tròn 18 tuổi.

Riêng cháu Hồ Bá Phi L, sinh ngày 01/01/2001 đã đến tuổi trưởng thành, cháu tự quyết định cuộc sống riêng của mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 tài sản chung là Thửa đất số 25a, tờ bản đồ số 09, diện tích 225 m², được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 611630 cho Hộ ông Hồ Viết H, sinh năm 1969 và bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1979 vào ngày 02/10/2007 tại thôn Đ, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Khi ly hôn thì ông Hồ Viết H đề nghị Tòa án không chia tài sản chung, để cho hai vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 21/02/2025 bà Trần Thị Mỹ N có đơn xin được rút phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung cụ thể: Xin rút không yêu cầu chia tài sản là thửa đất số 25a, tờ bản đồ số 09, diện tích 225 m², được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 611630 cho Hộ ông Hồ Viết H, sinh năm 1969 và bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1979 vào ngày 02/10/2007 tại thôn Đ, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; căn cứ các Điều 33, 35, 38, Điều 56, Điều 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Cho bà Trần Thị Mỹ N được ly hôn với ông Hồ Viết H.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Hồ Vy Phương A, sinh ngày 06/8/2007 cho bà Trần Thị Mỹ N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Ngày 21/02/2025 bà Trần Thị Mỹ N có đơn xin được rút phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung là thửa đất số 25a, tờ bản đồ số 09, diện tích 225 m², được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 611630 cho Hộ ông Hồ Viết H, sinh năm 1969 và bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1979 vào ngày 02/10/2007 tại thôn Đ, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ N về việc chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị Mỹ N rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung do đó bà N phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ N đề ngày 01/7/2024 Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xác định quan hệ pháp luật “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm bà Trần Thị Mỹ N làm đơn khởi kiện, bị đơn ông Hồ Viết H, cư trú tại, Số E đường H, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa hôm nay các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX áp dụng Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ N và ông Hồ Viết H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn ngày 30/01/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Hồ Bá Phi L, sinh ngày 01/01/2001 và cháu Hồ Vy Phương A, sinh ngày 06/8/2007.

Quá trình tham gia tố tụng bà Trần Thị Mỹ N và Hồ Viết H cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 đến nay nên đề nghị Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng được ly hôn.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”

Theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tối cao *“Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”* là thuộc một trong các trường hợp sau đây: *“Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng”*

Xét thấy bà Trần Thị Mỹ N và ông Hồ Viết H không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân và cùng có nguyện vọng ly hôn, nên cần chấp nhận đơn khởi kiện, cho bà Trần Thị Mỹ N được ly hôn với ông Hồ Viết H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Trần Thị Mỹ N và ông Hồ Viết H có 2 con chung là cháu Hồ Bá Phi L, sinh ngày 01/01/2001 và cháu Hồ Vy Phương A, sinh ngày 06/8/2007. Bà N và ông H có nguyện vọng sau khi ly hôn thì giao cháu Hồ Vy Phương A cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Hồ Vy Phương A, đã trên 7 tuổi cũng có nguyện vọng ở với bà N. Vì vậy, HĐXX giao cháu Hồ Vy Phương A cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến lúc cháu tròn 18 tuổi là phù hợp.

Riêng cháu Hồ Bá Phi L, sinh ngày 01/01/2001 đã đến tuổi trưởng thành, cháu tự quyết định cuộc sống riêng của mình, HĐXX không đặt ra giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị Mỹ N không yêu cầu ông Hồ Viết H cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ngày 21/02/2025 bà Trần Thị Mỹ N có đơn xin rút phần

yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung là thửa đất số 25a, tờ bản đồ số 09, diện tích 225 m², được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 611630 cho Hộ ông Hồ Viết H, sinh năm 1969 và bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1979 vào ngày 02/10/2007 tại thôn Đ, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị Mỹ N và ông Hồ Viết H xác định không có nợ chung, nên HĐXX không đề cập xem xét.

[4] Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị Mỹ N rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung do đó bà N phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.800.000 đồng.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Mỹ N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp, HĐXX cần chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tối cao

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Mỹ N được ly hôn với ông Hồ Viết H.

Về con chung: Giao cháu Hồ Vy Phương A, sinh ngày 06/8/2007 cho bà Trần Thị Mỹ N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến lúc cháu tròn 18 tuổi.

Ông Hồ Viết H được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà

không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, ông Hồ Viết H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị Mỹ N không yêu cầu ông Hồ Viết H cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Riêng cháu Hồ Bá Phi L, sinh ngày 01/01/2001 đã đến tuổi trưởng thành, cháu tự quyết định cuộc sống riêng của mình, HĐXX không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ N về việc chia tài sản chung là thửa đất số 25a, tờ bản đồ số 09, diện tích 225 m², được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 611630 cho Hộ ông Hồ Viết H, sinh năm 1969 và bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1979 vào ngày 02/10/2007 tại thôn Đ, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Về nợ chung: Bà Trần Thị Mỹ N và ông Hồ Viết H xác định không có nợ chung, nên HĐXX không đề cập xem xét.

Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị Mỹ N phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.800.000 đồng (Bà N đã nộp và đã chi phí xong)

Về án phí: Bà Trần Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 12.300.000 đồng (*mười hai triệu ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp, Bà Trần Thị Mỹ N được nhận lại 12.000.000 đồng (*mười hai triệu đồng*) theo biên lai số AA/2023/0008452 ngày 22/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ N, bị đơn ông Hồ Viết H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Ana;
- THADS huyện Krông Ana;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *Người tham gia tổ tụng;*
- *UBND xã Quảng Thái;*
- *Lưu HS, VP.*

Chu Anh Hùng